BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	244.479.751.651	97.406.085.978
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	244.479.751.651	97.406.085.978
4. Giá vốn hàng bán	11	24	211.034.851.487	81.546.603.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**33.444.900.164**	**15.859.482.666**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	275.803.601	139.838.099
7. Chi phí tài chính	22	26	2.507.521.336	8.702.622.369
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*4.220.749.848*	*4.482.642.182*
8. Chi phí bán hàng	24		20.403.113.474	862.330.097
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.711.362.119	8.011.523.778
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**98.706.836**	**(1.577.155.479)**
11. Thu nhập khác	31	27	757.753.315	1.768.911.683
12. Chi phí khác	32	28	468.632.741	115.399.473
13. Lợi nhuận khác	**40**		**289.120.574**	**1.653.512.210**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**29**	**387.827.410**	**76.356.731**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	9.963.267	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**	**29**	**377.864.143**	**76.356.731**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	84	17

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Khương Đức Dũng	Trần Bình Nhưỡng	Nguyễn Thị Nhàn

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2015